

TIỀN - MỘT LOẠI TÀI SẢN TRONG QUAN HỆ PHÁP LUẬT DÂN SỰ

TS. BÙI ĐĂNG HIẾU *

Điều 172 Bộ luật dân sự Việt Nam quy định “*Tài sản bao gồm vật có thực, tiền, giấy tờ trị giá được bằng tiền và các quyền tài sản*”. Theo quy định này thì tiền là một loại tài sản. Tuy nhiên, trong Bộ luật dân sự Việt Nam lại chưa có quy định nào về tiền. Thực tế cho thấy đó là lỗ hổng cần khắc phục của Bộ luật dân sự Việt Nam. Việc thiếu vắng các quy định về tiền đã dẫn tới nhiều cách hiểu không thống nhất về bản chất pháp lý của tiền; chưa có sự phân tách giữa góc độ kinh tế và góc độ pháp lý của tiền. Qua bài viết này chúng tôi muốn bàn luận tới một số khía cạnh pháp lý đặc thù của tiền nhằm giúp cho các nhà lập pháp có được định hướng cụ thể hơn khi xây dựng các quy định pháp lý cho tiền.

Trước hết, chúng tôi xin trao đổi đôi chút về lịch sử hình thành nên tiền.

Xưa kia, khi xã hội loài người còn chưa biết đến tiền tệ thì các quan hệ giao lưu hàng hoá được thực hiện thông qua phương thức vật đổi lấy vật. Khi đó, một người khi đang cần vật cụ thể nào đó thì phải tìm cho được người có vật đó và sẵn sàng chuyển giao nó cho mình. Hơn thế nữa, người kia cũng lại phải cần tới vật mà mình có và đang không cần, bởi chỉ có vậy thì giao dịch trao đổi mới có thể được diễn ra. Xã hội càng ngày càng phát triển thì việc trao đổi vật lấy vật ngày càng khó đáp ứng được nhu cầu giao dịch ngày càng tăng của xã hội.

Thực trạng khó khăn đó làm phát sinh đòi hỏi phải tìm ra được một công cụ trao đổi đa năng, hữu hiệu giúp cho việc giao dịch được thực hiện dễ dàng hơn. Công cụ trao đổi đa năng đó phải đáp ứng được ba điều kiện: 1) Phải có giá trị, mang lại lợi ích nào đó cho con người; 2) Phải mang tính thông dụng; 3) Dễ dàng tích trữ.

Qua các tài liệu thời nhà nước La Mã để lại, chúng ta thấy rằng trước thời La Mã cổ đại, công cụ trao đổi đa năng được dùng là các gia súc, gia cầm phổ biến nuôi trong nhà (pecus) như gà, ngỗng, vịt, cừu. Đây là thứ tài sản mà hầu hết các gia đình thời đó đều có và đều cần đến, nếu không cần ngay thì vẫn có thể tích lũy lại để dùng sau. Các súc vật nuôi đó được dùng như vật trao đổi đa năng, để bồi thường thiệt hại, để xác định mức độ tài sản của chủ nhân... Nhiều tài liệu từ thời La Mã cổ đại còn lưu lại phản ánh pháp luật La Mã cổ đại có những quy định phạt (phạt do trốn lính, phạt do mất trật tự công cộng...) bằng các đơn vị gà, vịt, ngỗng, dê cừu... như vậy.

Qua một thời gian dài dùng gia súc, gia cầm làm vật trao đổi đa năng, người ta đã dần nhận ra một số nhược điểm của thứ công cụ trao đổi này. Thứ nhất, các con vật đó không đồng nhất với nhau, có khối

* Giảng viên Khoa luật dân sự
Trường Đại học Luật Hà Nội

lượng và chất lượng không giống nhau và khó xác định (con béo hay gầy, con già hay non). Thứ hai, các con vật đó khó cất giữ, bảo quản và thời gian bảo quản không được lâu. Thứ ba, phải tốn nhiều chi phí cho thức ăn nuôi dưỡng chúng. Cuối cùng, chủ sở hữu phải gánh chịu rủi ro do bệnh dịch làm chết hàng loạt gia súc, gia cầm. Tất cả các vấn đề đó làm phát sinh nhu cầu phải tìm ra công cụ trao đổi và tích lũy tài sản khác thay thế cho gia súc, gia cầm.

Dần dần công cụ gia súc, gia cầm đó được thay thế bằng công cụ khác tiện dụng hơn - đó là kim loại nguyên liệu (đồng thau nguyên liệu, vàng nguyên liệu, bạc nguyên liệu). Các kim loại đó được tìm thấy và được sử dụng phổ biến để chế ra các đồ dùng rất cần thiết cho mỗi gia đình và được ưa chuộng. Các kim loại này có được nhiều ưu thế hơn so với gia súc, gia cầm (như mang tính bền vững hơn, dễ phân chia hơn, dễ cất giữ hơn, không đòi hỏi chi phí bảo quản chăm sóc, gọn hơn, đồng nhất hơn về chất lượng). Lúc đầu kim loại (đồng thau, vàng, bạc) được mang trao đổi theo khối lượng của nó. Giá trị của các thỏi kim loại được xác định thông qua khối lượng và độ tinh khiết của thỏi kim loại đó. Người La Mã xác định sự tinh khiết của thỏi kim loại bằng cách gõ vào nhau để nghe tiếng kêu vang (bởi lẽ những thỏi đó do các gia đình tự đúc lấy). Động tác gõ đó đã được dùng tới mức trở thành thói quen của người dân La Mã, thậm chí về sau được coi là một phần bắt buộc trong khi thực hiện nghi thức

chuyển giao tài sản (mancipatio). Họ cũng dùng chiếc cân để xác định khối lượng kim loại đem trao đổi.

Việc xác định giá trị trao đổi thông qua việc cân và gõ đó không mang lại độ chính xác và thuận tiện như mong muốn. Để đảm bảo tính chính xác và thuận tiện hơn cho các chủ thể khi thực hiện các giao dịch, nhà nước bắt đầu phải can thiệp vào bằng việc đúc sẵn những thỏi kim loại giống nhau, có dấu hiệu riêng của nhà nước và chất lượng được nhà nước bảo đảm - đó là hình thức đầu tiên của tiền. Tiền chính thức được ra đời từ đây. Nói cách khác, các công cụ trao đổi đa năng chỉ được coi là "tiền" từ khi có sự can thiệp của nhà nước lên chúng. Hệ thống tiền tệ của nhà nước La Mã (bao gồm các loại tiền như: As, Sestertius, Denarius, Aureus) thực chất chính là những loại thỏi kim loại mà nhà nước đúc sẵn dùng vào lưu thông dân sự. Đó là quá trình hình thành nên tiền kim loại.

Còn tiền giấy được hình thành muộn hơn và có nguồn gốc xuất xứ khác so với tiền kim loại. Tiền giấy được hình thành đầu tiên từ dạng các chứng thư nợ do các thương gia lập nên (theo những mẫu riêng biệt và có dấu ấn riêng nhằm tránh sự giả mạo) và được giao cho nhau nhằm ghi nhận khoản nợ của bên giao, giúp đẩy nhanh quá trình giao lưu dân sự. Về sau, nhà nước thu tóm việc phát hành loại chứng thư nợ đó và từ đó tiền giấy chính thức được ra đời. Những con số ghi trên chứng thư nợ trước đây để xác định số lượng tiền kim loại phải thanh toán nay đã dần dần trở thành mệnh

giá của tiền giấy. Các loại tiền giấy được phân biệt với nhau thông qua mệnh giá đó.

Có thể nói rằng việc sử dụng tiền được coi là phát minh vĩ đại của loài người. Một trong những chức năng cơ bản nhất của tiền tệ chính là nhằm vào mục đích sử dụng trong giao dịch mua bán. Hợp đồng mua bán là hệ quả trực tiếp nhất của việc sử dụng tiền. Với việc phát minh ra tiền thì giao dịch mua bán mới được xác lập, tức là việc trao đổi vật để lấy một số tiền có giá trị tương đương. Với số tiền do bán được vật, người bán lại có thể trở thành người mua trong quan hệ mua bán khác, dùng số tiền có được do bán vật để lại mua lấy các tài sản cần thiết cho bản thân. Từ thời điểm đó, hợp đồng mua bán đã nhanh chóng trở thành loại hợp đồng thông dụng nhất cho đến ngày nay.

Pháp luật Việt Nam coi tiền là một loại tài sản riêng biệt. Loại tài sản này có những đặc điểm pháp lý khác với vật. Có thể liệt kê một số khác biệt giữa tiền với vật như sau:

Đối với vật thì chúng ta có thể khai thác công dụng hữu ích từ chính vật đó (dùng nhà để ở, dùng xe máy để đi lại, dùng bút để viết...). Còn đối với tiền thì không thể khai thác công dụng hữu ích từ chính tờ tiền hay đồng tiền xu đó. Tiền thực hiện ba chức năng chính là: công cụ thanh toán đa năng, công cụ tích lũy tài sản và công cụ định giá các loại tài sản khác. Khái niệm “quyền sử dụng” chỉ được áp dụng một cách trọn vẹn cho vật chứ không áp dụng được cho tiền.

Các vật thông thường có thể do rất nhiều chủ thể khác nhau tạo ra còn tiền do

nhà nước độc quyền phát hành. Việc phát hành tiền được coi là một trong những biểu hiện của chủ quyền của mỗi quốc gia.

Vật được xác định số lượng bằng những đơn vị đo lường thông dụng còn tiền lại được xác định số lượng thông qua mệnh giá của nó.

Chủ sở hữu vật được toàn quyền tiêu hủy vật thuộc sở hữu của mình, còn chủ sở hữu tiền lại không được tiêu hủy tiền (không được xé, đốt, sửa chữa, thay đổi hình dạng, kích thước, làm giả...).

Dưới góc độ kinh tế thì việc sử dụng tiền được hiểu thông qua hành vi đầu tư tiền vào các hoạt động kinh doanh (mua bán thiết bị, cho vay lấy lãi, góp vốn...) hay tiêu dùng nhưng dưới góc độ luật dân sự thì các hành vi đầu tư hay tiêu dùng đó lại phải được hiểu là hành vi thực hiện quyền định đoạt tiền (chuyển giao quyền sở hữu tiền cho chủ thể khác) chứ không phải là thực hiện quyền sử dụng. Dưới góc độ kinh tế, việc gửi tiền vào các tổ chức tín dụng (gửi tiền vào tài khoản của mình trong ngân hàng) thường được coi là hành vi cất giữ tiền còn dưới góc độ luật dân sự thì việc gửi tiền vào ngân hàng hay các tổ chức tín dụng lại phải luôn được hiểu là hợp đồng cho vay tài sản. Bởi lẽ, sau khi gửi vào ngân hàng thì chính ngân hàng sẽ trở thành chủ sở hữu khoản tiền đó và phải chịu rủi ro đối với nó. Người gửi khi đó chấm dứt quyền sở hữu đối với số tiền vừa gửi, trở thành bên cho vay, có quyền yêu cầu ngân hàng thanh toán khoản tiền khác tương đương theo thời hạn thỏa thuận. Tùy theo từng trường hợp cụ thể mà hợp đồng vay đó có

thể có thời hạn hoặc không thời hạn, có thể có lãi hoặc không có lãi.

Nói cách khác, dưới góc độ kinh tế thì không có sự khác biệt cơ bản về bản chất giữa tiền mặt với tiền trong tài khoản nhưng dưới góc độ luật dân sự thì “tiền trong tài khoản” lại được hiểu là quyền tài sản (quyền yêu cầu) - một loại tài sản khác chứ không phải là tiền. Trong pháp luật dân sự, tiền có tính năng đặc biệt (khác với vật) là khi chuyển giao tiền thì bao giờ cũng kèm theo chuyển giao quyền sở hữu, trừ trường hợp khi chuyển giao ta đặc định hóa gói tiền thông qua việc niêm phong gói tiền lại.

Chúng ta cũng nên phân biệt giữa nội tệ và ngoại tệ. Dưới góc độ kinh tế thì nội tệ hay ngoại tệ cũng đều là tiền cả. Cách phân loại tiền thành nội tệ và ngoại tệ hoàn toàn phụ thuộc vào góc độ nhìn nhận của từng quốc gia: Một loại tiền được coi là nội tệ của quốc gia phát hành và là ngoại tệ đối với các quốc gia khác. Trong pháp luật dân sự thì ngoại tệ không được coi là tiền, bởi lẽ ngoại tệ không bao giờ được coi là công cụ thanh toán đa năng - một tính năng quan trọng nhất của tiền. Ngoại tệ phải được coi là một loại tài sản đặc biệt, thuộc nhóm hàng hóa hạn chế lưu thông. Chỉ những chủ thể nhất định (ngân hàng hay các tổ chức tín dụng khác, các tổ chức có chức năng hoạt động ngoại thương...) mới được phép xác lập giao dịch đối với nó. Vấn đề khó giải quyết nhất là nếu ngoại tệ không phải là tiền thì liệu ta sẽ xếp ngoại tệ vào loại tài sản nào trong số các loại tài sản được quy định tại Điều 172 Bộ luật dân sự (vật, tiền, giấy

tờ trị giá được bằng tiền, quyền tài sản)? Ngoại tệ cũng không nên coi là vật, bởi lẽ ta cũng không thể khai thác công dụng hữu ích từ chính tờ ngoại tệ được. Ngoại tệ cũng không nên coi là giấy tờ trị giá được bằng tiền hay quyền tài sản, bởi lẽ ta không xác định được ai là chủ thể nghĩa vụ trong đó. Phải chăng khó khăn đó xuất phát từ chính nguyên nhân khái niệm tài sản (theo cách liệt kê khép kín được quy định tại Điều 172 Bộ luật dân sự) còn quá hạn hẹp. Qua đó ta cũng nhận thấy nhu cầu bắt đầu phải xây dựng cách hiểu rộng hơn nữa cho khái niệm tài sản (sao cho trong đó có thể bao quát được cả ngoại tệ và cả một số các đối tượng phức tạp khác của giao dịch dân sự như nhà máy, xí nghiệp, hệ thống mô hình dịch vụ...).

Điều quan trọng chúng tôi muốn rút ra ngay từ phân tích này là khi xây dựng các quy định của pháp luật dân sự cho tiền thì chúng ta cần lưu ý các quy định đó sẽ chỉ áp dụng đối với nội tệ (tiền đồng Việt Nam) mà thôi.

Trên đây là một số suy nghĩ của chúng tôi về tiền dưới góc độ là một loại tài sản trong pháp luật dân sự Việt Nam. Các phân tích trên sẽ đòi hỏi nhiều sự tranh luận, góp ý tiếp theo của các đồng nghiệp. Sau những tranh luận đó chúng ta sẽ dần đi tới quan niệm chung thống nhất về tiền - một loại tài sản rất phổ biến trong đời sống giao lưu dân sự. Và từ đó các nhà lập pháp sẽ đưa ra được các quy định pháp luật chính xác, hợp lý và đầy đủ nhất về tiền.../.